

NGHIÊN CỨU

THƯƠNG THẢO VỚI GS TRẦN NGỌC NINH

về hai loại từ Cái và Con

Trong quyển “Nguồn gốc Mã-Lai của dân tộc Việt-Nam”, chúng tôi đã chứng minh rằng tất cả các dân tộc ở Đông Nam Á đều thuộc một chủng tộc nhưt, chủng Mã-Lai, kể cả đồng bào Thượng trên Cao Nguyên cũng thế.

Nhưng chủng Mã-Lai không phải chỉ có bấy nhiêu đó: Đại-hàn, Nhựt-bồn, Nam-Ấn, thổ dân châu Mỹ cũng đều thuộc chủng Mã-Lai hết.

Chúng tôi đã kiểm soát chủ trương của chúng tôi bằng ba khoa: tiên-sử-học, chủng-tộc-học và ngôn-ngữ đối chiếu.

Khi học ngôn ngữ của các dân tộc nói trên, chúng tôi có nhận thấy một điều dị kỳ là trừ ngôn ngữ Việt-Nam ra, còn thì không có nhóm Mã-Lai nào có loại từ *Cái* hết, và có nhiều dân tộc không hề có loại từ, bất cứ loại từ nào.

Theo nghiên cứu của giáo sư Trần-Ngọc-Ninh (Bách Khoa số 349 15-7-71) thì *Cái cây* chẳng hạn, là một từ, tức là một đơn vị bất khả-phân, và như thế, *Cái* không còn là loại từ nữa, như chúng tôi đã nói. Nhưng chúng tôi hơi nghi ngờ vì Việt-ngữ, qua cuộc kiểm soát của chúng tôi, cuộc kiểm soát đã dùng để viết quyển sách nói trên, chỉ là Mã-Lai-ngữ một trăm phần trăm, mà không có nhóm Mã-Lai nào có những từ có *Cái* đứng trước hết.

Thí dụ ta nói *Cái thang* thì Mã-Lai, Nam-Dương nói *Tanga*, Chàm nói *Thang giơ*, Nhựt-Bồn nói *Tana* chớ không hề nghe họ nói *Cái Tanga*, *Cái thang giơ*, *Cái tana* bao giờ. Lại thí dụ ta nói *Cái cửa sông* thì Mã-Lai nói *Kurala sôngai*, tức là không có *Cái* đứng trước.

Mà không riêng gì Mã-Lai, Chàm hay Nhựt-bồn gì cũng thế cả, không ai có *Cái* hết.

Như vậy ta phải hiểu rằng *Cái* của Việt-Nam là loại từ, mà là loại từ mới sáng tác về sau, do một ảnh hưởng ngoại lai, chớ gốc tổ không có, mà các nhóm khác, tuy có chịu ảnh hưởng ngoại lai, cũng không có, vì *Cái*, sở dĩ nảy sanh ra trong Việt-ngữ chỉ vì một ngộ nhận của dân chúng Việt-Nam, mà khi nói đến ngộ nhận thì phải hiểu rằng dân tộc khác không cùng chung ngộ nhận với ta nên họ không hề có *Cái*.

Chúng tôi tìm học, mà thấy rằng *Cái* chỉ mới xuất hiện sau Mã-Việt thôi, chớ không có lâu đời lắm, mà, như đã nói, chỉ do một sự ngộ nhận của dân chúng Việt-Nam.

Nên biết rằng trong đạo quân viễn-chinh của Mã-Việt, tuy có quân Dạ Lang, nhưng chủ lực quân vẫn là người Hoa-Bắc, vì các tỉnh Quảng-Đông, Phúc-Kiến chỉ mới bị nhà Tần chinh-phục trước đó không lâu, và họ chưa biến thành Tàu, và nếu có mặt họ, họ cũng nói một thứ tiếng Tàu ba trộn. Quân Dạ Lang cũng không phải là người Tàu.

Vậy ngôn ngữ được nói quanh các trại quân, phải là Quan-thoại. Mà Quan-thoại thì có danh từ *Cá* (họ cũng đọc là Cá, các nhà nho ta cũng đọc như thế), nhưng danh từ ấy không phải là loại từ, nó là danh từ, và có nghĩa là *Đơn-vị*.

Ta cứ nhìn vào một gia-đình Quảng-Đông ở Sài Gòn thì rõ. Dân Quảng-Đông cũng nói tiếng Tàu, nhưng đọc bậy bạ cả, y hệt như các nhà nho ta chớ không bao giờ có ngôn ngữ Quảng-Đông như ai cũng tưởng.

Một ông gia-trưởng Quảng-Đông chia bánh cho con ông ta, và ông ta nói: Dzách cô, lượng cô, xám cô, v.v....

Cô là *Cá* đọc sai chớ không có gì, và ông ta muốn nói: "Một đơn vị, hai đơn vị, ba đơn vị" đấy.

Dân Lạc-Việt đã nghe lính Hoa-Bắc nói: *Yi cá, lèng cá* bằng Quan-thoại, và ngộ nhận rằng, trước tên các món vật, phải có từ *Cá* (đọc sai là *Cái*) mới là hay. Thế rồi ta chấp nhận từ ấy, nó biến thành loại từ của ta, và đồng thời biến hẳn văn phạm ta, vốn không có loại từ *Cái* bao giờ cả, trước Mã-Viện.

Nếu không hiểu như chúng tôi, không sao cắt nghĩa nổi tại sao không có nhóm Mã-Lai nào có *Cái* hết, trừ Mã-Lai Việt-Nam.

Trước đây, ta không biết ta thuộc chủng nào, và tin theo ông H. Maspéro rằng là ta là một chủng riêng biệt, không dính với ai cả, thì nếu chỉ có ta là có loại từ *Cái*, không làm ai thắc mắc hết. Nhưng nay biết chắc một trăm phần trăm rằng ta là Mã-Lai, và ba bốn mươi dân tộc khác nữa cũng là Mã-Lai, thì sự kiện chỉ có một mình ta có loại từ đó, phải được đặt thành vấn đề nghiên cứu và được giải đáp thỏa đáng.

Cái không có tánh cách "thái cổ" chút nào hết, như ta vừa thấy.

Chúng tôi nói dân chúng học tiếng Tàu, chịu ảnh hưởng Hoa-ngữ quanh các trại quân, không phải là làm giả thuyết đầu. Hiện nay thừa ngữ chánh thức của nước Ấn Độ là ngôn ngữ *Hindi*. Đó là một ngôn ngữ dị kỳ, gồm tiếng Á-Rập cộng với tiếng Ba-Tư, chớ không có danh từ Ấn Độ nào trong đó cả. Sở dĩ ông Nê Ru, đã tranh đấu cho ngôn ngữ đó được cái địa-vị ưu tiên hạng nhất, vì ông là người thực tế, mà ngôn ngữ đó được trên một trăm triệu người Ấn biết.

Ngôn ngữ *Hindi* gốc là ngôn ngữ *Ourdou*. Mà *Ourdou* là danh từ Ấn Âu thi-tổ của danh từ *Horde*. Horde có nghĩa là một bầy, một đám người vô tổ chức. Người Ấn bị xâm lăng thuở xưa, vì ghét bọn xâm lăng, nên gọi họ là horde chớ thật ra thì quân xâm lăng rất văn minh, bởi Á-Rập hay Ba-Tư gì cũng đều là dân tộc văn minh.

Vậy một trăm triệu dân Ấn đã chịu ảnh hưởng của các *Horde* xâm lăng đó và đâm ra nói toàn tiếng Á-Rập và tiếng Ba-Tur, nhưng nói sai bậy bạ cả, chẳng còn gì là Á-Rập và Ba-Tur nữa hết, y hệt như dân ta biến *Cá* của lính Hoa-Bắc thành *Cái*, nhưng dùng sai, danh từ của người ta, dân ta lạm dụng đặt trước bất kỳ danh từ nào khác của ta, khiến nó biến thành loại từ. Một trăm triệu người Ấn đã lấy ngôn ngữ của kẻ xâm lăng thì dân Lạc-Việt có lấy danh từ *Cá* để biến thành loại từ *Cái* là chuyện dĩ nhiên.

Ta lại còn một danh từ *Cái* rắc rối nữa, tưởng cũng nên nói rõ ra, mặc dầu danh từ này không gây ngộ nhận bao nhiêu.

Khi người Tàu nói họ đi *Cái xị*, tức đi Thị, đi Chợ, thì *Cái* ở trong trường hợp này, hoàn toàn không liên hệ đến những *Cái* khác. *Cái* ở đây là danh từ Tàu mà ta đọc sai là *Nhai* và có nghĩa là *Đường Phố* (Rue).

Thị của Tàu, không phải chỉ có nghĩa là *Chợ*, mà còn có nghĩa là thành phố. Vậy đi *Cái xị* là đi *Nhai thị*, tức đi qua các phố của thành phố, y hệt như Việt-Nam nói *Đi phố*. Đi *Cái xị* của Tàu, không hề có nghĩa là *Đi Cái Chợ* đâu.

Hiện ở Chợ lớn, ngoài các bảng tên phố của nhà nước, người Tàu thường đặt một bảng nhỏ đề chữ Tàu, để đồng bào họ biết đâu là đâu. Đại khái có một ngõ hẻm mang tên là *Ô-Y-Hạng*, còn đường Lý-Nam-Đế nguyên vào thời Pháp thuộc tên là Rue de Canton, thì nay nó mang tên chánh thức của nhà nước là đường Lý-Nam-Đế, nhưng có bảng nhỏ chữ Tàu đề là *Quảng Đông Nhai*, mà họ đọc là *Quảng Tổng Cái*.

Danh từ *Cái* này ta không có dùng trong Việt-ngữ, mà chỉ biến thành *Nhai* trong Hán-Việt mà thôi, nhưng đôi khi cũng gây ngộ nhận vì nghe người Tàu nói rằng họ đi *Cái xị*, là ngỡ họ đi *Cái thị*, tức *Cái chợ*.

Nhật-bồn bị mất ngôn ngữ đến hơn 60 phần trăm. Hiện nay họ chỉ giữ được có trên 30 phần trăm Mã-Lai-ngữ, còn thì họ dùng tiếng Tàu cả (nhưng đọc sai, cố nhiên). Thế nghĩa là họ cũng bị ảnh hưởng ngoại lai, và cái ngoại lai ấy lại đồng chủ nhơn với cái ngoại lai nơi xã-hội ta, thế mà họ vẫn không có *Cái*, chỉ vì hai dân tộc không thể ngộ nhận y hệt như nhau.

Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh lại bảo rằng *Cái* và *Con* không thể giao hoán với nhau. Nhưng rõ ràng ca dao ta hát:

Cái cò, cái vạc, cái nông.

Chẳng những *Cái* đã giao hoán với *Con* vật, mà giao hoán cả với *Con* người nữa. Đó là dấu hiệu lạm dụng của buổi đầu ngộ nhận, ta dùng *Cái* loạn xạ ngẫu, sau rồi ta mới hạn chế nó để dùng làm loại từ chỉ đồ vật bất động mà thôi.

Chúng tôi lại có bằng chứng rằng dân Lạc bộ Trãi, hồi thời Trung cổ nói *Con nhà, Con đá, Con trời*, thay vì nói *Cái nhà, Ông trời, Cực đá* như ngày nay.

Vậy *Cái* là loại từ khả phân, và chỉ mới có mặt sau Mã-Viện mà thôi, và giao hoán được với *Con*.

Còn *Con* ? Loại từ *Con* thì dân Lạc bộ Chuy và bộ Trãi có – Xã hội Việt-Nam gồm cả ba thứ Lạc, nên dĩ nhiên, là có loại từ *Con*.

Nhưng đó cũng là loại từ mới xuất hiện về sau, tuy trước loại từ *Cái*, nhưng vẫn không lâu đời lắm. Không có gì là thượng-cổ cả.

Tới đây, chúng tôi nói đến ba thứ dân Lạc mà cổ thư Trung-Hoa đã ghi chép, nói hơi dài, có vẻ lạc đề, nhưng không nói thì không ai mà hiểu được Lạc bộ Chuy là dân nào, Lạc bộ Trãi là dân nào. Nhưng chúng tôi cố nói tắt chừng 4 trang viết tay, để bạn đọc khỏi sốt ruột.

Từ năm 1918 đến nay, thiên hạ cãi nhau về các tự dạng Lạc hơi nhiều, nhưng xem ra, chưa có nhà học giả, sử gia nào biết Lạc là gì.

Nhưng người Tàu đời xưa thì lại biết quá rõ.

Khi mà các cổ thư Trung-Hoa trở dân tộc ta bằng ba chữ Lạc khác nhau, Lạc bộ Trãi (tức bộ Sại), Lạc bộ Mã và Lạc bộ Chuy thì họ nêu ra một kỳ công về chủng-tộc-học mà hai ngàn năm sau, khoa học mới khám phá ra.

Thế nên có một đạo, nhiều học giả nổi lên bác bỏ sử-gia Nguyễn-Phượng ở ngay trong tạp chí Bách Khoa này khi sử-gia họ Nguyễn cho rằng các sử-gia Tàu cổ thời, không biết Lạc là gì, nên bối rối, tìm cách giải thích gượng gạo, sai cả.

Quý vị học giả ấy không tin là thế, nhưng quý vị đó cũng không biết rõ lắm Lạc là gì, và tại sao Tàu lại viết ba chữ Lạc khác nhau, và nhất là chỉ dân ta bằng cả ba tự dạng.

Dưới đây là công bố của khoa tiên-sử-học, đã làm việc xong ở Á-Đông. Nhưng trước khi tóm lược công bố ấy, tưởng cũng nên biết qua địa-lý của Tàu.

Bên Tàu (Hoa-Bắc) có đến hai con sông Lạc. Con sông thứ nhất, viết với bộ Chuy, chảy từ Thiểm Tây vào xứ Thục. Đó là địa bàn cổ thời của dân Lạc bộ Chuy, mà Lạc bộ Chuy, được hai khoa tiên-sử-học và chủng-tộc-học truy ra rằng họ chỉ là rợ Khuyển Nhung và rợ Khel (Tàu phiên-âm là Khương). Hai thứ rợ này bị Tàu đánh đuổi (Tần Mục Công và Tần Hiến Công) nên nam thiên, biến thành người Môn, người Khơ Me (tức Khel) và người Miến-Điện.

Con sông Lạc thứ nhì ở Bắc Hà-Nam, trên sông Hoàng-Hà, viết với bộ Thủy. *Lạc thư* có lẽ xuất phát từ đó, nhưng nơi đó, không phải là địa bàn của tổ tiên ta. Địa bàn của tổ tiên ta ở cách đó vài mươi cây số, tại lưu-vực sông Bộc và dưới đời nhà Chu, được Tàu gọi là dân Bách-Bộc. Danh xưng Bách-Việt chưa xuất hiện vào thời mà sách đời Chu nói đến Bách-Bộc. (Các học giả ta giành giật *Hà đồ Lạc thư* với Tàu, cho rằng sách đó của dân ta, chắc phải lui bước, vì dân ta ở sông Bộc chứ không phải ở sông Lạc. Và lại sông Lạc này viết với bộ Thủy, còn dân ta viết với ba bộ khác hơn (quên nói rằng sông Lạc bộ Chuy, về sau viết như Lạc là *Roi, Rụng*, nhưng xưa hơn, Tàu viết: Các + Chuy).

Nhưng đồng thời các cổ thư Trung-Hoa cũng lại cho ta biết rằng dân Bách-Bộc có một nhóm tên là Lạc-Địch, Lạc viết với bộ Trãi.

Thế là đã có hai thứ Lạc. Nhưng họ có là tổ tiên của ta hay không thì ta sẽ rõ.

Cổ thư Trung-Hoa lại cho biết rằng Lạc-Địch, di cư đến một bán đảo kia mà về sau gọi là Đại-Hàn, và biến thành rợ Tam-Hàn.

Câu chuyện này xảy ra dưới trào nhà Ân mà rợ Tam-Hàn đã lập ra ba tiểu-vương-quốc là Cao Cú Lệ tức Cao Câu Ly, Bách Tế và Tân La (có sách viết là Bách Tế). Tam-Hàn là ba thứ dân Hàn làm chủ của ba tiểu-vương-quốc đó, và họ vốn là Lạc bộ Trãi.

Nhưng đến đời Tây Chu thì thỉnh linh Tàu gọi dân Tam-Hàn một cách khác hơn, không là Lạc-Địch, cũng không là rợ Tam-Hàn mà là rợ Lai (Lai Di). Dân đó tự xưng là gì, chưa ai biết, chỉ thấy là Tàu thay đổi lối gọi mà không giải thích, ta thử đặt ra giả-thuyết này. Đó là tên phiên-âm, và Tàu đã phải mất nhiều ngàn năm mới phiên-âm thật đúng, từ Lạc đến Lai.

Giả thuyết trên đây có bằng chứng cụ thể trong thư tịch Trung-Hoa vì từ đời Hán đến đời Minh, người Tàu phải mất sáu trăm năm mới phiên-âm đúng tên của nước Cao-Miên, mà đó là chuyện về sau mà họ đã văn minh lắm rồi. Quả thật thế, nước ấy, ban đầu được phiên-âm là Cam-Bốt-Trí rồi Cam-Phá-Giá, và tên cuối cùng là Giản-Phố-Trại, và được dùng đến ngày nay. Giản-Phố-Trại, đọc theo Quan-thoại thì giống Camboja hơn hai danh xưng trước. Từ 10 năm nay, nước đó tự xưng hơi khác là Cam-Bu-Chia, nhưng Tàu không buồn phiên-âm nữa vì Giản-Phố-Trại đã giống rồi.

Ta thấy đó, sự phiên-âm các tên dân, tên nước của người Tàu, không phải thoạt tiên là đúng ngay đâu.

Và như vậy ta phải hiểu rằng là dân đó tự xưng là Lai, hoặc gì gì Lai đó, và khi phiên-âm đúng từ đời Tây Chu, thì Tàu không sửa đổi nữa, y như họ đã không sửa đổi Giản-Phố-Trại nữa.

Cũng cứ vào đời nhà Ân, họ biết rõ hơn một thứ dân ở Hoa-Nam mà trước đó họ gọi là Thất Mân. Nhờ biết rõ, nên họ gọi khác, gọi dân đó là Lạc, nhưng họ viết với bộ Mã. Có lẽ

đến đời Tây Chu, họ cũng biết Lạc bộ Mã là rợ Lai, nhưng họ không buồn phiên-âm lại vì bọn Lạc đó đang bị họ nhắm làm cái đích thôn tính và đồng hóa, họ không thèm biết gì thêm.

Hơn thế, Lạc bộ Mã, có thể đọc là *Mà Ló*, mà *Mà Ló* đích thị là Mã-Lai, tức gọi dân đó là Lạc với bộ Mã là đúng rồi, không cần phải đổi ra là rợ Lai làm gì nữa như đối với Lạc bộ Trãi.

Những sự kiện trên đây, có ăn khớp với khoa khảo tiền-sử chẳng? Có, nó ăn khớp một cách kinh dị. Và đây là kết quả của khoa khảo tiền-sử của Á Châu được ông G. Coedès công bố từ năm 1962:

1.- Cách đây năm ngàn năm, không biết từ đâu và không biết vì lẽ gì, dân Mã-Lai di cư đến Đại-Hàn, đến Nhật-Bổn, đến Đài-Loan, đến cả Việt-Nam và đến đảo Célèbes ở Nam-Dương. Đồng thời họ cũng di cư đi Đông Ấn độ, nhưng đến nơi, họ lại rẽ sang hướng Đông để vào Đông-Dương (Đó là Môn, Miến-Điện và Khơ Me).

2.- Cách đây 2500 năm, từ Hoa-Nam, chủng Mã-Lai di cư đến các nơi mà Mã-Lai Hoa-Bắc đã di cư, và chiếm trọn Nam-Dương chớ không riêng gì đảo Célèbes nữa.

Chúng tôi tóm lược đơn sơ quá, 100 phần chưa đưa ra có 1, nhưng bấy nhiêu đó, đủ cho thấy ở lưu vực sông Hồng-Hà, ngôn ngữ là ngôn ngữ của ba thứ Lạc, Lạc bộ Trãi di cư từ Đông Bắc Trung-Hoa, Lạc bộ Chuy, từ Tây Trung-Hoa, và Lạc bộ Mã từ Hoa-Nam, và đại khái Lạc bộ Chuy là Môn, Miến-Điện, Cao-Miên, và các ông Tàu quá giỏi, họ tỏ ra bằng ba chữ Lạc khác nhau, thoạt trông như là họ dốt lắm, nhưng quả thật ở xứ ta có đủ cả ba thứ, như ngôn ngữ đã cho thấy.

Các nhà khảo tiền-sử không hề biết các cổ thư Trung-Hoa ấy, nhưng họ làm việc, lượm được kết quả ăn khớp với các cổ thư Tàu.

Chúng tôi xin trở về loại từ *Con*, Lạc bộ Chuy là Môn, Cao-Miên và Miến-Điện có loại từ *Con*, Việt-Nam và đồng bào Thượng là Lạc bộ Trãi cũng có loại từ *Con*. Nhưng họ cũng chỉ mới có đây thôi, và chúng tôi có chứng tích không thể chối cãi.

Đó cũng là vay mượn nhưng vay mượn của một nhóm Mã-Lai, khác Chi với Chi Lạc, Chi đó là Chi Âu mà ngày nay ta gọi là Thái, chớ không phải vay mượn của Tàu.

Trong ngôn ngữ Thái, *Con* là danh từ và có nghĩa là *Ngươi*, chớ không bao giờ là loại từ.

Chúng tôi đi sâu vào Việt-Ngữ, Cao-Miên-ngữ và thấy rằng hai Chi Lạc bộ Chuy và bộ Trãi đã biến danh từ *Con* của Chi Âu để làm loại từ, trước khi có loại từ *Cái*, nhưng sự vay mượn cũng không lâu đời lắm.

Ta cứ nhìn kỹ vào từ ngữ *Ngươi ta* thì đủ thấy sự vay mượn và biến thể ấy rồi. Quả thật thế, *Ngươi ta* có nghĩa là *Ngươi khác*, chớ không phải là ta, tức là *Ta khác* đấy. Như vậy danh

từ *Người* ban đầu, phải chỉ có nghĩa là *Khác* mà thôi, chớ không hề có nghĩa là *Người*. Mà đó là tinh-từ.

Danh từ chung cho cả khối Mã-Lai, nhứt định phải là *Con*, nhưng Mã-Lai Thái còn giữ được, còn các chi Lạc thì biến bậy cả. *Con chớ* hóa ra *Người chớ*. Thật là dị kỳ.

Tuy nhiên chi Lạc không đánh mất luôn danh từ *Con* đâu, nó còn tồn tại trong Con trai, Con gái, có nghĩa là Người trai, Người gái đấy.

Chúng tôi bắt gặp sự vay mượn và biến nghĩa của *Con* trong ngôn ngữ của người Mạ. Người Mạ là đồng bào Thượng trên Cao Nguyên Lâm Đông, họ cũng thuộc Chi Lạc bộ Trai như ta (nhưng các ông Tây đã nói lieo rằng họ là Cao-Miền).

Trong ngôn ngữ Mạ, *Con* được dùng như danh từ và có nghĩa là *Người* y như nơi người Thái, nhưng nó cũng được dùng như loại từ, giống hệt Việt-Nam. Đó là chứng tích chi Lạc vay mượn của chi Thái và biến nghĩa chưa xong và chứng tích đó đánh dấu thời điểm vay mượn của chi Lạc, thuở mới vay mượn thì *Con*, được dùng như thế đó, tức vừa là danh từ có nghĩa là *Người*, vừa là loại từ.

Dấu vết thời gian còn nguyên vẹn trong ngôn ngữ Mạ. Họ lạm dụng *Con* y hệt ta lạm dụng *Cái* để gọi Cái Cò, Cái Vạc, Cái Nông, vì họ nói *Con Trời*, *Con Đá*, *Con Cây*.

Dấu vết xưa, còn đủ cả, miễn là ta chịu khó bỏ công ra học hỏi.

Có lẽ xưa kia, thuở ta ở vào trình độ của người Mạ ngày nay, ta cũng nói, con trời, con đá, con cây, y hệt như người Mạ. Đó là sự dốt của kẻ vay mượn, dùng không đúng lại quá lạm dụng.

Nhưng kể từ thời nào, ta biến tinh-từ *Người*, có nghĩa là *Khác*, thành danh từ chỉ *Con người* thì thật là truy không ra, chỉ biết hiện nay tất cả Mã-Lai gốc Hoa-Bắc, tức Lạc bộ Trai và Lạc bộ Chuy (trừ Chi Âu) đều có danh từ *Người*, có biến dạng chút ít tùy theo mỗi dân tộc, mà không còn danh từ *Con* nữa.

Con, trong *Con gái*, *Con trai*, cũng chỉ là Người gái, Người trai mà thôi, tức là tàng tích *Con* của đại khối Mã-Lai, còn sót lại ở độc một trường hợp, nơi Chi Lạc.

(Và cũng nên nói rõ rằng *Trai* và *Gái*, hồi thượng cổ, nơi Chi Lạc, chỉ có nghĩa là *Đực* và *Cái*. Hiện nay người Việt thượng cổ còn sống sót ở đèo Mụ già, và họ dùng hai tiếng *Trai* và *Gái* để chỉ *Đực* và *Cái* đấy).

Tóm lại, chủng Mã-Lai không có loại từ thuở ban sơ. Họ chỉ mới có về sau, không lâu đời lắm và dấu vết sáng tạo loại từ còn mới rành rành trong các xã hội gốc Mã-Lai.

Loại từ *Tu* nơi người Thái (có nghĩa là *Con* và *Cái*) và *Tô* (nơi người Lào) cũng có nghĩa là *Con*, và *Cái* có lẽ cũng chỉ mới có sau này, nhưng sự thành hình của loại từ ấy thì chúng tôi nghiên cứu chưa tới nơi, như đã biết thật rõ về *Con* và *Cái*.

Luôn tiện, chúng tôi cũng xin nói rõ về tĩnh từ *Cái* của Việt-Ngữ. *Cái* không hề có nghĩa là giống *Cái*, mà oái oăm thay, lại có nghĩa là giống đực.

Trong Mã-Lai-ngữ, tĩnh từ *Laki*, bị Chăm biến thành *Licáy* và Việt biến thành *Cái*, có nghĩa là đàn ông, là giống đực, là lãnh tụ. Ngón tay *Cái* không phải là ngón tay của cô nào hết, mà là ngón tay to nhứt. Đường *cái* không phải là đường để cho người đẹp đi dạo mà là đường rộng rãi, thợ *Cái* là thợ "xếp" đấy.

Con đại Cái mang, không phải là Mẹ chịu trách nhiệm, mà là Cha lãnh đủ, và *Bố Cái Đại Vương*, không phải là ông Phùng Hưng và bà Phùng Hưng, mà chỉ có ông Phùng Hưng thôi.

Hiện người Mã-Lai có thành ngữ *Ibu Lá Ki*.

Ibu = Bu = Mẹ
Lá Ki = Thủ lãnh

Và thành ngữ đó có nghĩa là nhà lãnh đạo, y hệt như Phùng Hưng, và vào thời Phùng Hưng là vẫn còn nói tiếng Mã-Lai chưa biến dạng. Đền thờ đó là đền thờ *Ibu Lá Ki*, sau mới biến thành đền thờ *Bố Cái*.

Ở chỗ này, có hơi nhiều-khê cần phải nói thật rõ. Thành ngữ *Ibu Lá Ki* của Nam-Dương (Lạc bộ Mã) là thành ngữ đã có của họ vào thời mà họ còn theo mẫu hệ. Nay họ đã theo phụ hệ rồi thì đáng lý họ phải sửa lại là *Babu Lá Ki* vì:

Babu = Bố
Lá Ki = Lãnh tụ

Nhưng họ lại không buồn sửa. Ta, người Việt-Nam, lại sửa *Ibu Lá Ki* vào thời Phùng Hưng thành *Babu Licáy*, vì ta đã theo phụ hệ vào thời đó. Sau ta biến mãi thì *Babu Licáy* trở thành *Bố Cái*.

Nhưng *Ibu* hay *Babu* không quan trọng. *Cái* chánh là *Licáy* = *Cái* = Lãnh tụ, và *Cái* của ta là Đàn ông là Lãnh tụ chớ không phải giống *Cái*.

Đại Cổ Việt, cũng thế. *Cổ* chỉ là *Lá Ki*, là *Cái* mà thôi. Hiện trên Cao nguyên đồng bào Thượng dùng tiếng *Cái* với các nghĩa sau đây : *Cái đầu, quan trọng, thủ lãnh*.

Còn *Cái* có nghĩa là giống *Cái* là do ngữ nguyên khác tạo ra, có nói rõ trong quyển sử của chúng tôi.

Miền Nam có thành ngữ « *Đàn bà lại cái* » để trỏ người bán nam bán nữ. Đó là tiếng Mã-Lai rõ ràng.

Lại = Sa lagi = Mà lại còn

Cái = Đàn ông

Đàn bà lại cái có nghĩa là *Đàn bà lại còn là đàn ông*.

Sa lagi còn để dấu ở tỉnh Bình Tuy ở đó có một làng tên là Lagi. Có lẽ người Chăm hay người Việt đã nuốt mất tiếng Sa, chớ Lagi không, chẳng có nghĩa gì cả. Tỉnh Bình Tuy là đất cực Nam của Chiêm Thành, thuở chúa Nguyễn diệt Panduranga, nên ở đó còn lắm địa danh Chăm, tức là địa danh Mã-Lai, vì người Chăm rõ ràng là Mã-Lai.

*

Ngôn ngữ có sức sống mãnh liệt. Cách đây vài mươi năm, người Việt miền Nam có sáng tác thành ngữ "*Đàn bà lại đực*", cũng với cái nghĩa bán nam bán nữ, vì họ quên nghĩa cũ, nên thấy thành ngữ "*Lại cái*" vô nghĩa. Họ hiểu Cái là giống Cái, còn Lại là *trở thành*. *Đàn bà lại cái* = *Đàn bà trở thành đàn bà* thì vô lý. Thế nên họ mới sửa lại, để cho nó hữu lý ra. Nhưng toàn thể người Việt miền Nam đều nhứt định dùng thành ngữ có vẻ vô lý, không ai dùng thành ngữ mới cả, mặc dầu nó có vẻ hữu lý hơn.

Tại sao cái có vẻ hữu lý lại bị tẩy chay? Vì tiềm thức và tâm để của dân tộc còn mơ màng nhớ mang máng cái nghĩa cũ, tuy ngày nay có vẻ vô lý, nhưng ngày xưa thì đúng.

Cái đúng đó đã bắt rễ thật sâu, thâm căn cố đế nơi tâm não họ, nên cái mới, có vẻ hữu lý bao nhiêu họ cũng gạt bỏ ra ngoài.

Đáy lòng của họ còn giữ *Sa Lagi Licáy*. Chúng tôi lại có bằng chứng đích xác rằng thuở xưa Bắc Hà cũng nói "*Đàn bà lại cái*", y hệt như trong Nam, và chỉ dưới thời chúa Trịnh Bắc Hà bởi bị Hoa ngữ tràn ngập với Hoa, Quả, Thuyền, còn trước đó, họ vẫn nói Bông, Trái, Ghe, y hệt như Nam Kỳ.

*

Có một dạo người ta lại tranh luận về câu hát *Bắt Cái hồ khoan*. Một học giả đất Bắc đưa ra giả thuyết này là Bắt Cái có nghĩa là Bắt thăm theo lối rút cọng rơm, để làm Cái, tức làm "xếp".

Ông Tân Việt Điều, người Miền Nam, bác cái thuyết đó cho rằng Bắt Cái là do tiếng Chăm *Bát Cay* mà ra. Quả tiếng Mã-Lai và tiếng Chăm có động từ *Buak* nghĩa là chèo lệch đi, còn *Cay* là *Kual* tức là chèo khó khăn.

Nhưng thật ra thì cả Bắc lẫn Nam đều không đúng. Bắc Cái, là bắt Licáy, tức là bắt tướng thủy quân của địch trong một trận thủy chiến.

Có người lại nói *Hồ khoan* là *Quan hải hồ khoan* của Đào-Duy-Từ. Nhưng thành ngữ *Bắt Cái hồ khoan* lại có rất lâu đời, có lẽ trước khi ta tiếp xúc với Trung-Hoa, thì không làm sao mà Hồ khoan lại do tiếng Tàu mà ra được. Hai tiếng ấy chỉ có thể là hai tiếng Mã-Lai mà chúng tôi chưa truy ra được.

Quả Đào-Duy-Từ đã làm bài hát *Quan hải hồ khoan*, nhưng ông Đào sáng tác bằng Hán Văn, được *Bắt Cái hồ khoan* gợi ý, chớ không phải là *Bắt Cái hồ khoan* bắt nguồn từ Đào-Duy-Từ.

Vậy *Cái* là loại từ, *Khả phân* và *có thể giao hoán*. Tánh cách khả phân lộ rõ ra trong hai câu đối thoại sau đây:

- Năm tới anh sẽ làm gì?
- Tôi cất nhà.

Không thể nói: "Tôi cất cái nhà."

Tất cả các nhóm Mã-Lai khác, không có ngoại lệ, đều tuyệt đối không có *Cái*, y hệt như trong câu đối thoại trên đây.

Còn tánh cách giao hoán thì ca dao và tục ngữ đã cho thấy rõ, như *Cái cò*, *cái vạc*, *cái nông*. Tục ngữ nói: "Phận con ong, cái kiến."

Và loại từ *Cái* chỉ mới có sau Mã-Việt, chớ không phải xuất hiện trong xã hội Việt-Nam thái cổ. Cả loại từ *Con* cũng chỉ mới có sau này, mặc dầu trước loại từ *Cái*. Ngôn ngữ Mạ, một thứ Lạc bộ Trá, còn dùng *Con* vừa là danh từ, có nghĩa là Người, y hệt như Thái, vừa là loại từ, y hệt như Việt-Nam, và họ dùng loạn lên: Con Trời, con Cây, con đá, v.v... Đó là dấu vết vay mượn, nhưng chưa tiêu hóa nổi như ta, tức vay mượn không lâu, ta tiêu hóa xong vì ta tiến nhanh hơn họ, nhưng nhanh lắm cũng chỉ lối ba ngàn năm là cùng, chớ không lâu đời hơn.

Dưới đây là hai bài dân ca của người Mạ, cho thấy rằng họ dùng Con y như Thái, để chỉ người, và y như Việt để làm loại từ:

Kúp kon sim, any tom ta any
Kúp kon Mạ any tom ta đuoit

Dịch nghĩa:

Bắt *con chim*, tôi chỉ sanh sự với tôi
Bắt *người Mạ*, tôi phải đánh nhau với họ.

Chỉ trong hai câu, đã thấy *Con* được dùng với cả hai nghĩa: Danh từ (có nghĩa là người) ở câu dưới, và loại từ ở câu trên.

(* “Bắt người Mạ” là bắt các tù binh trong những cuộc chiến tranh bộ lạc, tục đó còn nguyên vẹn nơi người Mạ của thế kỷ 20)

Nhưng chẳng những có *con chim*, mà lại có *Con Tròi* nữa:

Ring tua Con trô, tua tiở
Cop tua mi, tua any

Dịch nghĩa:

Tròi đồng ý với đất (con trô = con Tròi)
Anh với em đồng ý với nhau.

CHÚ Ý: Trong cả hai bài dân ca đều có đại danh từ *Any*. Đó là đại danh từ ngôi thứ nhất có nghĩa là *Tôi*, mà người Việt thượng cổ ở đèo Mụ già hiện nay biến thành *Ai*, và cũng cứ có nghĩa là *tôi*, còn người Mã-Lai Nam-Dương nói là *Aku*, cũng cứ với nghĩa là *tôi*. Vậy *Ai* của ta hồi thượng cổ là *Tôi* đây.

BÁCH KHOA

Số 356 – Ngày 01.11.1971